



THÙNG XE TẢI BẢO ÔN

INSULATED TRUCK BODY

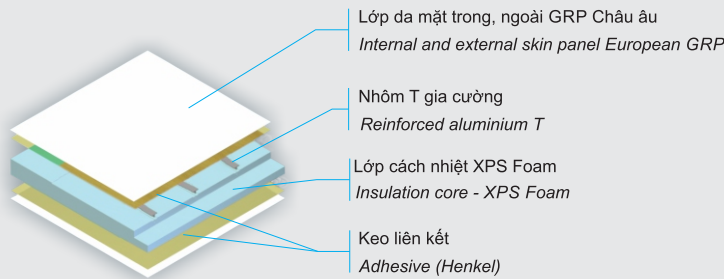
HINO XZU720L-WKFRS3

THÔNG SỐ KỸ THUẬT / SPECIFICATIONS

THÔNG TIN CHUNG / GENERAL		ĐVT / UNIT	XZU720L	XZU720L
Loại xe / Vehicle type			Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck	Ô tô tải bảo ôn Insulated Truck
Nhãn hiệu / Mark, model code			HINO XZU720L-WKFRS3 -QA.BOF2S (F1S)	HINO XZU720L-WKFRS3 -QA.BOF2S1 (F1S1)
Công thức bánh xe / Wheel formular			4 x 2	4 x 2
Thông số về kích thước / Dimensions				
Kích thước tổng thể (D x R x C) Overall (L x W x H)	mm		7030 x 2170 x 3170	7030 x 2170 x 3170
Kích thước bao thùng hàng (D x R x C) Body's external dimension (L x W x H)	mm		5250 x 2150 x 2200	5250 x 2150 x 2200
Kích thước trong thùng hàng (D x R x C) Body's internal dimension (L x W x H)	mm		5070 x 2010 x 2020	5070 x 2010 x 2020
Chiều dài cơ sở / Wheel base	mm		3870	3870
Vết bánh xe (Trước / Sau) Wheel track (Front/ Rear)	mm		1655 / 1520	1655 / 1520
Chiều dài đầu xe / đuôi xe Overhang (Front/ Rear)	mm		1115 / 2045	1115 / 2045
Chiều rộng cabin / Cabin width	mm		1995	1995
Thông số về khối lượng / Weight				
Khối lượng bản thân / Curb weight	Kg		3505	3655
Khối lượng chuyên chở theo thiết kế Payload	Kg		3800	3650
Khối lượng toàn bộ theo thiết kế Max gross vehicle weight	Kg		7500	7500
Số người cho phép chở kể cả lái xe Seating capacity including driver			3	3
Bánh xe và lốp / Wheels and tyres				
+ Trục 1 (Bánh đơn) +First axle (quantity:2)			7.50-16	7.50-16
+ Trục 2 (Bánh kép) +Second axle (quantity:4)			7.50-16	7.50-16
Thiết bị điện / Electric equipment				
Áp định mức: 24V Out put: 24V			Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình	Ắc quy / Batteries: 12V - 60Ah - 2 bình
Máy phát Alternator			24V - 60A	24V - 60A
Thiết bị chuyên dùng / Special equipment				
Hệ thống lạnh Refrigerated Unit			-	-
Trang bị khác Other equipment			-	Máy Oxy (RV70 + ZLE-50LA) Roots blower systems

Lưu ý / Note: Các thông số kỹ thuật trên có thể thay đổi mà không cần báo trước / Product specifications can be changed at any time without previous notice.

CẤU TẠO CÁC LỚP PANEL / STRUCTURE OF SANDWICH PANEL



Độ Dày / Thickness Panel (mm)	Sàn phẳng / Flat floor 2.5T ~ 6.0T	Sàn sóng / corrugated 2.5T ~ 6.0T
Panel sàn Floor panel	95	105
Panel vách trước Front panel	63	63
Panel vách hông Two side wall panels	63	63
Panel nóc Roof panel	78	78
Panel cửa sau Rear door panels	63	63

CÔNG TY TNHH SX-TM-DV ÔTÔ QUYỀN

* Nhà máy Tây Ninh: Số 550, ấp 4, xã Lương Hòa, tỉnh Tây Ninh
* CN Cam Ranh: Thôn Cây Xoài, xã Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa
* Tel: (0272) 3769 020 - (0272) 3769 022
* Fax: (0272) 3769 023
* Phòng kinh doanh:
Hotline: 090.810.9929 - 090.393.0444
Email: kd01@quyenauto.com
* Tư vấn kỹ thuật:
Hotline: 090.800.9030 - 093.890.9317
Email: technical@quyenauto.com

